

V, ngày 11 tháng 6 năm 2020

Số: 167/2020/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 215/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị Bích N** - sinh năm 1992

Bị đơn: Anh **Đinh Quốc H** - sinh năm 1992

Đều ĐKKHKT: Tổ 23C, phố Mai Sơn 1, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị **Đỗ Thị Bích N** và anh **Đinh Quốc H**.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**\* Về con chung:** Chị **Đỗ Thị Bích N** và anh **Đinh Quốc H** xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu **Đinh Thị Liên An** – sinh ngày 17/01/2015. Khi ly hôn hai bên thống nhất thỏa thuận: Chị **Nguyễn Thị Bích N** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung **Đinh Thị Liên A** – sinh ngày 17/01/2015. Anh **Đinh Quốc H** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N** là 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được.

Anh **H** có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm.

**\* Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp:** Chị **Đỗ Thị Bích N** và anh **Đinh Quốc H** đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Về án phí:** Chị **Đỗ Thị Bích N** tự nguyện nộp cả 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận chị **N** đã nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí sơ thẩm tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0001060 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau -khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP, Tỉnh;
- UBND P. T;
- Chi cục THATP;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Phong Phú**